

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT STARLAKE VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT STARLAKE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110678581

3. Ngày thành lập: 09/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, TT4-D2 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904549695

Fax:

Email: starlakepumps@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4329
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện thiết bị, vật tư phòng cháy, chữa cháy (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định)	4659
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bình chữa cháy; Bán buôn thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động; Bán buôn thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy	4669
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

13.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; (Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy).	7110
14.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
15.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động Nhà nước cấm)	4690
16.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
17.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
18.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
19.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
20.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
21.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
22.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
23.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
24.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
25.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
26.	Sản xuất đồng hồ	2652
27.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
28.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
29.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
30.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
31.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
32.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
33.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
34.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
35.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: sản xuất máy bơm nước	2813(Chính)
36.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
37.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
38.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
39.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

40.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
41.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
43.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4799
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
50.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
51.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
54.	Tái chế phế liệu	3830
55.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
58.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HỮU QUỐC	Thôn Trạch Xá, Xã Hòa Lâm, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	0012020383 86	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		
2	PHẠM HOÀNG CÀM	Số 7, TT4-D2 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	0360950051 54	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

3	NGUYỄN HẢI YẾN	Thôn Phú Ninh, Xã Minh Phú, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	0013000332 91	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		
4	NGUYỄN VĂN BÌNH	2414 HH2, 90 Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	0340870018 06	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		
5	HOÀNG ĐỨC ĐẠT	Xóm 3, Xã Phúc Thắng, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	0360940162 38	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: PHAM HOÀNG CẨM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/06/1995

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036095005154

Ngày cấp: 17/03/2023

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Văn Khoa, Xã Hải Phú, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 7, TT4-D2 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội